

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG XE/ ĐỘNG CƠ NHẬP KHẨU

(Request for quality inspection of imported motor vehicle/ engine of motor vehicle)

Kính gửi (To): Cục Đăng kiểm Việt Nam

Tổ chức, cá nhân nhập khẩu (Importer):

Địa chỉ (Address):

Đăng ký kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe mô tô, xe gắn máy/động cơ xe mô tô, xe gắn máy nhập khẩu được ghi trong bản kê chi tiết kèm theo với các nội dung sau (Request for quality technical safety and environmental protection inspection of imported motor vehicle/ engine of motor vehicle listed on attached annex with the following contents):

Hồ sơ kèm theo (Attached document):

+ Hoá đơn thương mại (Commerce invoice): ☐

+ Tài liệu kỹ thuật (Technical documents): ☐

+ Tài liệu khí thải (Emission documents): ☐

+ Bản kê chi tiết kèm theo gồm (attached detail list includes)..... trang (page(s)) ☐

+ Các giấy tờ khác (Other related document): ☐

..... ☐

..... ☐

Thời gian và địa điểm kiểm tra dự kiến (Date and anticipated inspection site):

.....

Người đại diện (Contact person) **Số điện thoại (Phone No.):**

Xác nhận của Cơ quan kiểm tra chất lượng

Vào sổ đăng ký số:

(Registered No)

(Place and date), ngày tháng năm

Đại diện Cơ quan kiểm tra chất lượng

(Inspection Body)

(Place and date), ngày tháng năm

Đại diện Tổ chức, cá nhân nhập khẩu

(Importer)

BẢN KÊ CHI TIẾT XE/ ĐỘNG CƠ NHẬP KHẨU

(Detail list of imported motor vehicle/ engine of motor vehicle)

(Kèm theo Bản đăng ký kiểm tra số (Attached to Register No.):)

Tình trạng xe/ động cơ (Vehicle's/ engine's Status): ☐ Chưa qua sử dụng (New):

☐ Đã qua sử dụng (Used):

Loại xe/ động cơ (Vehicle/ engine category):			
Nhãn hiệu/ Số loại (Make/ Model):			
Cơ sở sản xuất, nước sản xuất (Manufacture, Production country):			
TT (No.)	Năm sản xuất (Production year)	Số khung (Frame No.)	Số động cơ (Engine No.)

--	--	--

Tổng số xe/ động cơ đăng ký kiểm tra (*Total number of vehicle/ engine requested*):

Ghi chú (nếu có) (*Remark (if any)*):

(Place and date) , ngày tháng năm

Đại diện Tổ chức, cá nhân nhập khẩu

(Importer)

(Chỉ sử dụng khi Tổ chức, cá nhân nhập khẩu thay đổi thời gian và địa điểm kiểm tra)

(*Apply only if Importer changes date and inspection site*)